TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Trần Thị Kim Tân

Ông Nguyễn Xuân Tùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp 2A, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, đây là lần kết hôn đầu của anh chị.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mây thuẫn. Nguyên nhân do anh T hay đi làm xa nhà, nhưng mỗi lần về nhà thì vợ chồng thường cãi vã, bất đồng quan điểm, anh T thường hay đánh chị. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Thanh T1, sinh ngày 01/6/2010 và cháu Nguyễn Văn Thanh T2, sinh ngày 16/7/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 56, Điều 81 Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, chị B được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Thanh T1, sinh ngày 01/6/2010 và cháu Nguyễn Văn Thanh T2, sinh ngày 16/7/2017 cho chị B nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt

lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị B có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T, do đó xác định chị B là nguyên đơn, anh T là bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: chị B cho rằng cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mây thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường đi làm xa nhà, nhưng mỗi lần về vợ chồng thường cãi vã, bất đồng quan điểm, anh T thường hay đánh chị. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tại Biên bản xác minh ngày 21 tháng 3 năm 2023 (bút lục số 26) thể hiện anh Nguyễn Văn T hiện nay đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về quan hệ hôn nhân: giữa chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn T hay xảy ra mâu thuẫn do anh T đánh đập chị B nhưng anh chị không báo chính quyền địa phương để tiến hành hòa giải.

Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến tham gia các buổi làm việc, hòa giải, xét xử nhưng anh T vắng mặt không có lý do chính đáng cho thấy anh T có thái độ thờ ơ, không muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị B và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Thanh T1, sinh ngày 01/6/2010 và cháu Nguyễn Văn Thanh T2, sinh ngày 16/7/2017. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 3 năm 2023 thể hiện: anh T thường đi làm xa, các con chung hiện do chị B nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Văn Thanh T1 có nguyện vọng được sống với mẹ; cháu Nguyễn Văn T3 T2 còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nên giao cả hai con chung cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị B trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh

T4 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị B trình bày anh chị không có nợ chung. Anh T4 được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy, không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 56, Điều 81 Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2009 ngày 22/5/2009 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Thanh T1, sinh ngày 01/6/2010 và cháu Nguyễn Văn Thanh T2, sinh ngày 16/7/2017 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị B không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Phạm Thị B. Khi cần thiết, chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn T được quyền yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007321 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Phạm Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Hương